

Số: 01/2020/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

## **THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP**

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP);*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 74/2019/NĐ-CP);*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm; báo cáo kết quả thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm và cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động (sau đây gọi tắt là nguồn vốn huy động) quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 3. Báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm**

1. Hằng quý, trước ngày 10 của tháng đầu tiên, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 1 và Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu tiên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 3 và Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu số 5 và Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời điểm số liệu báo cáo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày cuối cùng của quý liền trước.

### **Điều 4. Báo cáo kết quả thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động**

1. Hằng quý, trước ngày 10 của tháng đầu tiên, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động theo Mẫu số 7 và Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hằng quý, trước ngày 15 của tháng đầu tiên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động theo Mẫu số 9 và Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hằng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời điểm số liệu báo cáo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này được tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày cuối cùng của quý liền trước.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2020.

2. Thông tư số 45/2015/TT-LĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn kịp thời. / *Ut.*

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, CVL (30 bản).



**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Ngọc Dung**



Mẫu số 1: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM  
(Từ 01/01/ ..... đến .....)**

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

STT	Chủ dự án	Tên dự án	Đội tượng ưu tiên	Địa điểm thực hiện dự án	Vốn thực hiện dự án			Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm					
					Tổng số	Trong đó vay từ Quỹ quốc gia về việc làm	Lãi suất	Tổng	Số lao động nữ	Số lao động là người khuyết tật	Số lao động là người dân tộc thiểu số		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7)/(6)*100	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Người lao động												
1													
...													
	<b>Tổng</b>				X	X				X	X	X	X
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh												
1													
...													
	<b>Tổng</b>				X	X				X	X	X	X
	<b>TỔNG CỘNG</b>				X	X				X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 2: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG  
TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM  
(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)**

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Giới tính		Đối tượng		Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng				Thời hạn hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
			Nam	Nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	Nhật Bản	Đài Loan	Hàn Quốc	Khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
...														
<b>TỔNG CỘNG</b>			X	X	X	X	X	X	X	X		X		

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mẫu số 4: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
TỈNH, THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG  
TỪ QUÝ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM**

(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Doanh số cho vay (3)	Số vốn tồn đọng (3)	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài				Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng			
				Tổng số (4)	Lao động nữ (6)	Thuộc hộ cận nghèo (7)	Thân nhân người có công với cách mạng (8)	Nhật Bản (9)	Đài Loan (10)	Hàn Quốc (11)	Khác (12)
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
...											
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>				

..., ngày ... tháng ... năm .....  
**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Mẫu số 5: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM**  
(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	Đơn vị	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số dự án cho vay						Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm												
				Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh		Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh		Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh								
				Tổng số	Người khuyết tật	Tổng số	Người lao động là người khuyết tật	Tổng số	Người lao động là người khuyết tật	Tổng số	Người lao động là người khuyết tật & dân tộc thiểu số	Tổng số	Người khuyết tật	Tổng số	Người khuyết tật	Tổng số	Người dân tộc thiểu số					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
I	Tỉnh, Thành phố																					
1																						
...																						
	<b>Tổng</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



Mẫu số 6: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG  
TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM**

(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động ngoài nước)

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Tỉnh, Thành phố	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài			Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng				
				Tổng số	Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	Nhật Bản	Đài Loan	Hàn Quốc	Khác
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
...											
<b>TỔNG CỘNG</b>		X	X	X	X	X	X				

..., ngày ... tháng ... năm ....  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 7: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG  
(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)**

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

STT	Chủ dự án	Tên dự án	Đội tương ưu tiên	Địa điểm thực hiện dự án	Vốn thực hiện dự án				Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm			
					Tổng số	Số tiền vay	% so với tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất	Tổng	Số lao động nữ	Số lao động là người khuyết tật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)=(7)/(6)*100	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Người lao động											
1												
...												
	<b>Tổng</b>				X	X			X	X	X	X
II	Cơ sở sản xuất, kinh doanh											
1												
...												
	<b>Tổng</b>				X	X			X	X	X	X
<b>TỔNG CỘNG</b>					X	X			X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 8: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG TỪ  
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG**

(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/quận/thị xã/ thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, tháng, người, %

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Giới tính		Đối tượng		Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng			Thời hạn hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	
			Nam	Nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	Nhật Bản	Đài Loan	Hàn Quốc					Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
...														
<b>TỔNG CỘNG</b>			X	X	X	X	X	X	X	X		X		

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 9: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
TỈNH, THÀNH PHỐ .....**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG**  
(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Số dự án cho vay						Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm											
						Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh				Dự án của người lao động			Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh								
						Tổng số	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều người khuyết tật & người dân tộc thiểu số	Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số	Tổng số	Lao động nữ	Người khuyết tật	Người dân tộc thiểu số			
						(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
I																							
...																							
<b>TỔNG CỘNG</b>			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
TỈNH, THÀNH PHỐ .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG  
TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG**

(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố .....

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Nguồn vốn cho vay	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài			Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng				
					Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
...												
<b>TỔNG CỘNG</b>		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

..., ngày ... tháng ... năm ....  
**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)





Mẫu số 11: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG**  
(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm)

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	Đơn vị	Nguồn vốn cho vay	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số dự án cho vay				Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm														
					Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh		Dự án của người lao động		Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh												
					Tổng số	Người khuyết tật	Tổng số lao động là người dân tộc thiểu số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số	Tổng số	Người khuyết tật	Tổng số	Người khuyết tật											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)		
I	Tỉnh, Thành phố																						
1																							
...																							
	<b>Tổng</b>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



Mẫu số 12: Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP

**NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG  
TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG**

(Từ 01/01/ ..... đến .../.../.....)

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động ngoài nước)

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Tỉnh, Thành phố	Nguồn vốn cho vay	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài				Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng			
					Tổng số	Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	đi làm việc theo hợp đồng			
									Nhật Bản (10)	Hàn Quốc (11)	Đài Loan (12)	Khác (13)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)				
1												
...												
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>	<b>X</b>

..., ngày ... tháng ... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

